

Số: 01/2026/TTr-HĐQT

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2026.

Dự thảo

TỜ TRÌNH

“Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán”

Kính trình: Đại Hội đồng cổ đông Công ty cổ phần LILAMA 45.1

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LILAMA 45.1 ngày 30 tháng 08 năm 2024;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Căn cứ Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐQT ngày 30/03/2026 của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (Báo cáo được đính kèm).

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Số 31/12/2025	Số 01/01/2025
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	409.906.316.704	407.345.248.215
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	6.559.617.149	1.674.248.962
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	163.808.515.808	166.282.027.264
3- Hàng tồn kho	239.514.183.747	239.364.971.989
4- Tài sản ngắn hạn khác	24.000.000	24.000.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	88.986.206.074	90.167.401.994
1- Tài sản cố định	4.998.847.618	6.125.786.538
2- Tài sản dài hạn khác	83.987.358.456	84.041.615.456
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	498.892.522.778	497.512.650.209

Chỉ tiêu	Số 31/12/2025	Số 01/01/2025
A- NỢ PHẢI TRẢ	530.705.935.835	521.410.500.616
1- Nợ ngắn hạn	530.184.044.735	520.888.609.516
2- Nợ dài hạn	521.891.100	521.891.100
B- NGUỒN VỐN	(31.813.413.057)	(23.897.850.407)
1- Vốn chủ sở hữu	(31.813.413.057)	(23.897.850.407)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	498.892.522.778	497.512.650.209

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1	Doanh thu bán hàng	146.735.592.814	34.820.859.030
2	Giá vốn hàng bán	141.505.369.159	47.173.271.808
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng (3 = 1 - 2)	5.230.223.655	(12.352.412.778)
4	Doanh thu hoạt động tài chính	5.613.521	703.081
5	Chi phí tài chính	6.655.296.392	8.941.154.552
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.172.379.003	4.458.629.155
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (7 = 3+4-5-6)	(6.591.838.219)	(25.751.493.404)
8	Thu nhập khác	-	1.209.593.777
9	Chi phí khác	1.323.724.431	1.739.516.426
10	Lợi nhuận khác (10 = 8-9)	(1.323.724.431)	(529.922.649)
11	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (11=7+10)	(7.915.562.650)	(26.281.416.053)
12	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-
13	Lợi nhuận sau thuế TNDN (13=11-12)	(7,915,562,650)	(26,281,416,053)

Trân trọng kính trình!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Bá Sứng